

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12092/BTC-QLCS

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2024

V/v tình hình tổ chức triển khai thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các Nghị định quy định quy định chi tiết thi hành Luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 79/CĐ-TTg ngày 13/8/2024, chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Công văn số 6320/VPCP-NN ngày 05/9/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật; trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các địa phương về tiến độ ban hành các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định trong Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất; Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước được giao, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả triển khai thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp vào báo cáo Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. Các nội dung triển khai Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Bộ Tài chính đã thực hiện**

- Liên quan đến việc tổ chức thực hiện Luật Đất đai năm 2024, theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý nhà nước được giao, Bộ Tài chính đã có Công văn số 8288/BTC-QLCS ngày 07/8/2024 gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị triển khai các quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản quy định chi tiết thi hành trong quản lý, sử dụng tài sản công để kịp thời triển khai công tác quản lý, sử dụng tài sản công, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, tránh xảy ra sai sót, vi phạm.

- Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Công văn số 5716/VPCP-NN ngày 12/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thi hành các Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Bộ Tài chính đã có Công văn số 8960/BTC-

QLCS ngày 22/8/2024 báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024 đối với các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính.

- Ngày 20/8/2024, Bộ Tài chính đã tổ chức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (đến cấp huyện) triển khai Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất tới các đối tượng gồm: (i) Đại diện Lãnh đạo Bộ, cơ quan trung ương; đại diện cơ quan tài chính của các Bộ, cơ quan trung ương; (ii) Đại diện các Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; (iii) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đại diện các cơ quan, đơn vị chuyên môn của tỉnh: Văn phòng Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Quỹ Phát triển đất, Tổ chức phát triển Quỹ đất và các đơn vị khác do Sở Tài chính mời; (iv) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện; đại diện các cơ quan, đơn vị chuyên môn của huyện: Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Thuế và các đơn vị khác do Ủy ban nhân dân huyện mời.

- Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Công văn số 6845/VPCP-NN ngày 25/9/2024 của Văn phòng Chính phủ, theo đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra việc ban hành các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trong Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Bộ Tài chính đã cử 01 lãnh đạo cấp Cục tham gia đoàn công tác của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu trên.

- Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã tích cực phối hợp với các Bộ: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường trong việc xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật, theo kiến nghị của địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp...

## **II. Về tiến độ ban hành các văn bản quy định chi tiết triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024, Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính**

### **1. Đối với Luật Đất đai năm 2024:**

Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-TTg<sup>1</sup> ngày 05/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ và chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và địa phương xây dựng và trình Chính phủ ban

<sup>1</sup> Tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 05/3/2024, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì trình Chính phủ 02 Nghị định (gồm: Nghị định quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định quy định về Quỹ phát triển đất) và 01 Thông tư quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai.

hành Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất và ban hành theo thẩm quyền Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai. Như vậy, Bộ Tài chính đã hoàn thành việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai theo thẩm quyền.

2. Đối với Luật Nhà ở năm 2023, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023:

- Theo quy định tại khoản 3 Điều 76 Luật Kinh doanh bất động sản<sup>2</sup> và nhiệm vụ được giao tại Phụ lục danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6 kèm theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ, liên quan đến các văn bản triển khai Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Bộ Tài chính được phân công chỉ trì xây dựng Thông tư quy định việc sử dụng kinh phí để xây dựng, điều tra thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; hướng dẫn xác định giá cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật về giá; hướng dẫn quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản (Thông tư).

- Triển khai nhiệm vụ nêu trên, Bộ Tài chính đã hoàn thiện dự thảo Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc sử dụng kinh phí để xây dựng, điều tra thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; hướng dẫn xác định giá cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật về giá; hướng dẫn quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo đúng quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; dự kiến ký ban hành trong tháng 11/2024.

### **III. Về tiến độ ban hành các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND cấp tỉnh được quy định trong Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP**

1. Tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP có quy định một số nội dung phải quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các địa phương, cụ thể:

*1.1. Tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP quy định:*

*a) Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh:*

<sup>2</sup> Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc sử dụng kinh phí để xây dựng, điều tra thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản; hướng dẫn xác định giá cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật về giá; hướng dẫn quản lý và sử dụng số tiền thu được từ cung cấp dịch vụ thông tin, dự liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

(1) Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước sau khi xin ý kiến của HĐND cùng cấp.

(2) Xây dựng và ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

(3) Trình HĐND cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định 103/2024/NĐ-CP.

(4) Trình HĐND cùng cấp quyết định cho phép người sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trong Khu công nghệ cao không phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được Nhà nước bố trí từ ngân sách nhà nước (không bao gồm trường hợp ứng vốn từ Quỹ phát triển đất) đối với các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định 103/2024/NĐ-CP.

*b) Trách nhiệm của HĐND cấp tỉnh:*

(1) Quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định 103/2024/NĐ-CP.

(2) Quyết định cho phép người sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trong Khu công nghệ cao không phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được Nhà nước bố trí từ ngân sách nhà nước (không bao gồm trường hợp ứng vốn từ Quỹ phát triển đất) đối với các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định 103/2024/NĐ-CP.

(3) Có ý kiến về mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước theo đề nghị của UBND cấp tỉnh.

*1.2. Tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP quy định:*

*a) Trách nhiệm của UBND cấp tỉnh:*

(1) Phê duyệt Đề án thành lập Quỹ phát triển đất và ban hành Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP;

(2) Kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, điều chỉnh hoạt động ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP;

(3) Trình HĐND cùng cấp quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP;

(4) Ban hành quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất; quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.

*b) Trách nhiệm của HĐND cấp tỉnh:*

(1) Thông qua Đề án thành lập, phương án giải thể Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP;

(2) Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP;

(3) Thông qua mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất trong trường hợp có thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

2. Triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ; thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 79/CD-TTg ngày 13/8/2024, của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà tại Công văn số 6320/VPCP-NN ngày 05/9/2024 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Công văn số 9886/BTC-QLCS ngày 18/9/2024 (Công văn số 10632/BTC-QLCS ngày 04/10/2024 đôn đốc) gửi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị báo cáo về tình hình triển khai Luật Đất đai và các Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP theo đúng chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 62/63 địa phương<sup>3</sup> đến hết ngày 30/10/2024 về tiến độ ban hành các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được quy định trong Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP thì có 01 tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản để thực hiện đủ các nội dung được giao trong Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (tỉnh Hải Dương)<sup>4</sup>; 07 tỉnh, thành phố đã ban hành văn bản quy định chi tiết từ 01 đến 05 nội dung trong tổng số 08 nội dung được giao trong Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP (TP Hà Nội, tỉnh An Giang, tỉnh Bắc Giang, tỉnh Cao Bằng, tỉnh Bình Định, tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Nam Định); còn lại hầu hết các tỉnh, thành phố đang trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được giao quy định chi tiết ở các mức độ hoàn

<sup>3</sup> Tỉnh Kiên Giang chưa có báo cáo

<sup>4</sup> Theo báo cáo của UBND tỉnh Hải Dương tại Hội nghị trực tuyến ngày 08/10/2024

thành khác nhau như xây dựng dự thảo Nghị quyết, Quyết định, gửi lấy ý kiến các ngành, cơ quan chuyên môn hoặc lấy ý kiến thẩm định của cơ quan tư pháp (dự kiến ban hành trong tháng 10, tháng 11 năm 2024).

*(Chi tiết Bảng tổng hợp báo cáo của các địa phương về tiến độ ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP - đính kèm).*

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. / . *lh*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó TTgCP Trần Hồng Hà (đề b/c);
- Phó TTgCP, Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, QLCS. *(Cao)*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Bùi Văn Kháng**

**TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VỀ TIẾN ĐỘ BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT ĐẤT ĐAI, NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2024/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2024/NĐ-CP**

*(kèm theo Công văn số 12092/BTC-QLCS ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính)*

STT	Địa phương	I. Nội dung quy định chi tiết thuộc thẩm quyền HĐND, UBND cấp tỉnh quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP											
		1. Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước sau khi xin ý kiến của HĐND cùng cấp. <i>(điểm 1 khoản 1 Điều 26, điểm c khoản 2 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 1 Điều 44, khoản 1 Điều 48)</i>			2. Ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai. <i>(khoản 6 Điều 48)</i>			3. Trình HĐND cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định 103/2024/NĐ-CP. <i>(khoản 15 Điều 38, điểm a khoản 7 Điều 48)</i>			4. Trình HĐND cùng cấp quyết định cho phép người sử dụng đất không phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được Nhà nước bố trí từ ngân sách nhà nước. <i>(khoản 8 Điều 31, điểm b khoản 7 Điều 48)</i>		
		Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành
1	Thành phố Hà Nội			x	x			x			x		
2	Thành phố Hồ Chí Minh	x			x			x			x		
3	Tỉnh An Giang		x				x						
4	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		x		x			x			x		
5	Tỉnh Bạc Liêu	x			x			x			x		
6	Tỉnh Bắc Giang			x	x			x					
7	Tỉnh Bắc Kạn	x			x			x			x		
8	Tỉnh Bắc Ninh	x			x			x			x		
9	Tỉnh Bến Tre	x			x			x					
10	Tỉnh Bình Dương	x			x			x			x		
11	Tỉnh Bình Định	x			x			x					

12	Tỉnh Bình Phước	x			x			x			x		
13	Tỉnh Bình Thuận	x			x			x			x		
14	Tỉnh Cà Mau	x			x			x					
15	Tỉnh Cao Bằng	x						x					
16	Thành phố Cần Thơ	x			x			x					
17	Thành phố Đà Nẵng	x			x			x			x		
18	Tỉnh Đắk Lắk	x			x			x					
19	Tỉnh Đắk Nông	x			x			x					
20	Tỉnh Điện Biên	x			x			x			x		
21	Tỉnh Đồng Nai	x			x			x			x		
22	Tỉnh Đồng Tháp		x		x			x			x		
23	Tỉnh Gia Lai	x			x			x			x		
24	Tỉnh Hà Giang	x			x			x			x		
25	Tỉnh Hà Nam	x			x			x					
26	Tỉnh Hà Tĩnh	x			x			x			x		
27	Tỉnh Hải Dương			x			x			x			
28	Thành phố Hải Phòng	x			x			x					
29	Tỉnh Hậu Giang	x			x			x			x		
30	Tỉnh Hòa Bình	x			x			x					
31	Tỉnh Hưng Yên	x			x			x			x		
32	Tỉnh Khánh Hòa	x		x	x			x					
33	Tỉnh Kiên Giang												
34	Tỉnh Kon Tum	x			x			x					
35	Tỉnh Lai Châu	x			x			x					
36	Tỉnh Lạng Sơn	x			x			x					
37	Tỉnh Lào Cai		x		x			x					
38	Tỉnh Lâm Đồng	x			x			x					
39	Tỉnh Long An	x			x			x					
40	Tỉnh Nam Định	x		x	x			x					
41	Tỉnh Nghệ An	x			x			x					
42	Tỉnh Ninh Bình	x			x			x					
43	Tỉnh Ninh Thuận	x			x			x					
44	Tỉnh Phú Thọ	x			x			x					



45	Tỉnh Phú Yên	x			x			x				
46	Tỉnh Quảng Bình	x			x			x				
47	Tỉnh Quảng Nam	x			x			x				
48	Tỉnh Quảng Ngãi	x			x			x				
49	Tỉnh Quảng Ninh	x			x			x				
50	Tỉnh Quảng Trị	x			x			x				
51	Tỉnh Sóc Trăng	x										
52	Tỉnh Sơn La	x			x			x				
53	Tỉnh Tây Ninh	x			x			x				
54	Tỉnh Thanh Hóa	x			x			x				
55	Tỉnh Thái Bình	x			x			x				
56	Tỉnh Thái Nguyên	x			x			x				
57	Tỉnh Thừa Thiên Huế	x			x			x			x	
58	Tỉnh Tiền Giang	x			x			x				
59	Tỉnh Trà Vinh	x					x	x				
60	Tỉnh Tuyên Quang	x			x			x				
61	Tỉnh Vĩnh Long	x			x			x				
62	Tỉnh Vĩnh Phúc	x			x			x				
63	Tỉnh Yên Bái	x			x			x				

**TỔNG HỢP BÁO CÁO CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VỀ TIẾN ĐỘ BAN HÀNH CÁC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT ĐẤT ĐAI, NGHỊ ĐỊNH SỐ 103/2024/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 104/2024/NĐ-CP**

*(kèm theo Công văn số 12002/BTC-QLCS ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính)*

STT	Địa phương	II. Nội dung quy định chi tiết thuộc thẩm quyền HĐND, UBND cấp tỉnh quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP											
		1. Phê duyệt Đề án thành lập, phương án giải thể Quỹ phát triển đất và ban hành Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP <i>(khoản 4 Điều 3, điểm a khoản 3 Điều 26)</i>			2. Kiện toàn tổ chức bộ máy, sửa đổi, bổ sung Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, điều chỉnh hoạt động ủy thác, nhận ủy thác của Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP <i>(điểm b khoản 3 Điều 26)</i>			3. Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất; sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ phát triển đất trong trường hợp có thay đổi mức vốn điều lệ, mô hình hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP. <i>(điểm b khoản 2 Điều 26, điểm</i>			4. Ban hành quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất; quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất. <i>(điểm d khoản 3 Điều 26)</i>		
		Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành	Đang thực hiện	Đã thẩm định	Đã ban hành
1	Thành phố Hà Nội	x			x			x			x		
2	Thành phố Hồ Chí Minh	x			x			x			x		
3	Tỉnh An Giang	x			x			x			x		
4	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu				x			x			x		
5	Tỉnh Bạc Liêu	x			x			x			x		
6	Tỉnh Bắc Giang	x			x						x		
7	Tỉnh Bắc Kạn				x			x			x		
8	Tỉnh Bắc Ninh	x			x						x		
9	Tỉnh Bến Tre				x			x			x		
10	Tỉnh Bình Dương	x			x			x			x		
11	Tỉnh Bình Định	x		x	x			x		x	x		

12	Tỉnh Bình Phước	x			x			x			x		
13	Tỉnh Bình Thuận	x			x			x			x		
14	Tỉnh Cà Mau	x			x			x			x		
15	Tỉnh Cao Bằng						x	x					
16	Thành phố Cần Thơ				x			x			x		
17	Thành phố Đà Nẵng	x			x			x			x		
18	Tỉnh Đắk Lắk	x			x			x			x		
19	Tỉnh Đắk Nông	x			x			x			x		
20	Tỉnh Điện Biên	x			x			x			x		
21	Tỉnh Đồng Nai	x			x			x			x		
22	Tỉnh Đồng Tháp	x			x			x			x		
23	Tỉnh Gia Lai							x			x		
24	Tỉnh Hà Giang	x			x			x			x		
25	Tỉnh Hà Nam	x			x			x			x		
26	Tỉnh Hà Tĩnh	x			x			x			x		
27	Tỉnh Hải Dương			x						x			x
28	Thành phố Hải Phòng	x			x			x			x		
29	Tỉnh Hậu Giang				x			x			x		
30	Tỉnh Hòa Bình	x			x			x			x		
31	Tỉnh Hưng Yên	x											
32	Tỉnh Khánh Hòa	x		x	x		x	x		x	x		x
33	Tỉnh Kiên Giang												
34	Tỉnh Kon Tum	x			x			x			x		
35	Tỉnh Lai Châu	x			x			x			x		
36	Tỉnh Lạng Sơn	x			x			x			x		
37	Tỉnh Lào Cai	x			x			x			x		
38	Tỉnh Lâm Đồng	x			x			x			x		
39	Tỉnh Long An				x			x			x		
40	Tỉnh Nam Định				x			x			x		
41	Tỉnh Nghệ An				x			x			x		
42	Tỉnh Ninh Bình				x			x			x		
43	Tỉnh Ninh Thuận	x			x			x			x		
44	Tỉnh Phú Thọ				x			x			x		

45	Tỉnh Phú Yên				x			x			x		
46	Tỉnh Quảng Bình				x								
47	Tỉnh Quảng Nam				x			x			x		
48	Tỉnh Quảng Ngãi	x			x			x			x		
49	Tỉnh Quảng Ninh	x			x			x			x		
50	Tỉnh Quảng Trị	x			x			x			x		
51	Tỉnh Sóc Trăng										x		
52	Tỉnh Sơn La				x			x			x		
53	Tỉnh Tây Ninh	x			x			x			x		
54	Tỉnh Thanh Hóa				x			x					
55	Tỉnh Thái Bình				x			x			x		
56	Tỉnh Thái Nguyên				x			x			x		
57	Tỉnh Thừa Thiên Huế										x		
58	Tỉnh Tiền Giang	x			x			x			x		
59	Tỉnh Trà Vinh				x			x			x		
60	Tỉnh Tuyên Quang				x			x			x		
61	Tỉnh Vĩnh Long	x			x			x			x		
62	Tỉnh Vĩnh Phúc	x			x			x			x		
63	Tỉnh Yên Bái				x			x			x		